

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HC-PT
Ngày 17 - 02 - 2023
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thanh Tú – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 08/2022/TLPT-HC ngày 27 tháng 12 năm 2022 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Dương Vinh Q; cư trú tại: Thôn V 3, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ Văn V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M (Văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 13/02/2023) (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hồ Thị Bích N; (Có mặt)

- Ông Dương Hồ D; (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Vinh Q là người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Bích N và ông Dương Hồ D (Văn bản ủy quyền ngày 29/6/2022) (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị P; (Có mặt)

- Ông Nguyễn Văn C; (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị P là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C (Văn bản ủy quyền ngày 29/6/2022) (Có mặt)

Các ông bà: Dương Vinh Q, Hồ Thị Bích N, Dương Hồ D, Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn C đồng cư trú tại: Thôn V 3, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Dương Vinh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Dương Vinh Q và đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Bích N, ông Dương Hồ D trình bày:

Thửa đất số 76, tờ bản đồ trích đo số 02, diện tích 52.672m² tại thôn V 3, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (viết tắt là thửa đất số 76) có nguồn gốc do ông và ông Nguyễn Văn Cư khai hoang vào năm 1993, trồng bạch đàn, keo lai. Năm 1999, ông làm trang trại chăn nuôi dê, bò và gia đình ông canh tác, sử dụng thửa đất trên liên tục, ổn định cho đến nay, không có ai tranh chấp.

Ngày 04/7/2020, ông làm thủ tục đề nghị Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – Chi nhánh huyện P (viết tắt là Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện P) đo đạc trích lục bản đồ xin thuê thửa đất số 76 và sau đó ông làm thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND xã M) xác nhận nguồn gốc thửa đất trên, lập hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN). Tuy nhiên, UBND xã M không xác nhận nguồn gốc sử dụng đất cho ông nên ngày 17/01/2022, ông làm đơn khiếu nại yêu cầu UBND xã M cho biết thửa đất số 76 có đủ điều kiện cấp GCN hay không. Ngày 26/01/2022, Chủ tịch UBND xã M có Văn bản số 08/UBND (viết tắt là Văn bản số 08) về việc trả lời đơn khiếu nại của ông. Theo văn bản trên thì thửa đất số 76 không đủ điều kiện cấp GCN vì thửa đất trên nằm trong diện tích quy hoạch chức năng rừng phòng hộ theo Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Định (viết tắt là Quyết định số 4854)

Ông cho rằng hành vi của UBND xã M không xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND huyện P) cấp GCN và Văn bản số 08 đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 08 và buộc

UBND xã M phải xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN đối với thửa đất số 76 cho ông theo quy định.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Hồ Văn V – Phó Chủ tịch UBND xã M trình bày:

Thửa đất số 76 mà ông Dương Vinh Q thuê Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện P đo đạc trích lục bản đồ là thửa đất mới được trích từ thửa đất số 67 và 64, tờ bản đồ lâm nghiệp số 02 (viết tắt là thửa đất số 67 và 64) là đất do UBND xã M quản lý. Việc sử dụng đất của ông Q và anh Dương Hồ D (con ông Q) là vi phạm pháp luật đất đai. Hiện nay, UBND xã M đã lập hồ sơ xử lý vi phạm đất đai đối với hai trường hợp này tại thửa đất trên. UBND xã M đã báo cáo cho UBND huyện P phê duyệt phương án và tiến hành cưỡng chế trong thời gian đến.

Đơn khiếu nại của ông Q đề ngày 17/01/2022 thực chất là việc hỏi đáp giữa công dân với Chủ tịch UBND xã M chứ không phải là đơn khiếu nại nên Chủ tịch UBND xã M ban hành Văn bản số 08 không theo trình tự, thủ tục của Luật Khiếu nại. Cụ thể, Chủ tịch UBND xã M không trực tiếp xác minh hoặc cử người xác minh nội dung đơn, không tổ chức đối thoại trước khi ban hành văn bản trên. Thửa đất ông Q đề nghị UBND xã M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất nằm trong diện tích quy hoạch chức năng rừng phòng hộ theo Quyết định số 4854 và thửa đất này thuộc quyền quản lý của UBND xã M. Do đó, Văn bản số 08 được ban hành đúng quy định.

Từ những căn cứ nói trên, Chủ tịch UBND xã M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 08 và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc yêu cầu Tòa án buộc UBND xã M phải xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN đối với thửa đất số 76 cho ông Q theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P và đồng thời là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày:

Thửa đất số 76 có nguồn gốc là do vợ chồng ông Dương Vinh Q và chồng bà là ông Nguyễn Văn C khai hoang vào năm 1993, trồng bạch đàn, keo lai. Năm 1999, chồng bà và vợ chồng Q làm trang trại chăn nuôi dê, bò, trồng bổ sung thêm cây bạch đàn, keo lai và cây phi lao. Đến năm 2010, do điều kiện khó khăn nên chồng bà không tiếp tục canh tác mà giao lại cho vợ chồng ông Q tiếp tục canh tác, quản lý, sử dụng đến nay không có ai tranh chấp và hai bên có thỏa thuận miệng với nhau là sau này vợ chồng ông Q sẽ chia giao lại cho vợ chồng bà một phần thửa đất số 76. Năm 2018, vợ chồng ông Q đã chia giao lại diện tích thửa đất trên cho vợ chồng bà (khoảng 10.000m²) và hai bên đã làm hàng rào ranh giới giữa khu đất được phân chia.

Năm 2020, ông Q làm thủ tục đề nghị cấp GCN đối với thửa đất số 76 nhưng UBND xã M không xác nhận nguồn gốc đất, không lập hồ sơ đề nghị cấp

GCN. Việc ông Q lập hồ sơ đề nghị cấp GCN vợ chồng bà không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

Vợ chồng bà thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q. Nếu thửa đất số 76 được cấp GCN thì vợ chồng bà thống nhất để ông Q là người đứng tên trong GCN, sau này hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết phân chia sau.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 15/11/2022, Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Vinh Q, hủy Văn bản số 08 và bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Vinh Q về việc yêu cầu Chủ tịch UBND xã M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN thửa đất số 76 cho ông Q. Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 24/11/2022, ông Q có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông về việc yêu cầu UBND xã M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN thửa đất số 76 cho ông theo quy định và sửa phần án phí hành chính sơ thẩm vì ông thuộc trường hợp được miễn án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q có ý kiến rút một phần đơn khởi kiện về việc yêu cầu UBND xã M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN thửa đất số 76 cho ông theo quy định và rút toàn bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu xác định về trình tự, thủ tục Tòa án thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện P và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Vinh Q về việc yêu cầu Tòa án buộc UBND xã M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN thửa đất số 76 cho ông theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Vào ngày 21/3/2022, ông Dương Vinh Q nộp trực tiếp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện P về việc yêu cầu hủy Văn bản số 08 và buộc UBND xã M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN thửa đất số 76 cho ông Q.

Văn bản số 08 là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều

116 của Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện nói trên của ông Q là trong thời hiệu khởi kiện.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện P đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Tại khoản 2 Điều 8 của Luật Khiếu nại quy định về hình thức khiếu nại như sau: *“Trường hợp khiếu nại được thực hiện bằng đơn thì trong đơn khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; tên, địa chỉ của người khiếu nại; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết của người khiếu nại. Đơn khiếu nại phải do người khiếu nại ký tên hoặc điểm chỉ.”*

Tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định về phân loại đơn thì *“Đơn khiếu nại ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu của người khiếu nại”*.

Mặc dù Đơn khiếu nại đề ngày 17/01/2022 của ông Q có tiêu đề là đơn khiếu nại nhưng đơn không thể hiện tên cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại, nội dung khiếu nại; nội dung đơn chỉ là ông Q yêu cầu Chủ tịch UBND xã M xem xét trường hợp của ông có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 76 hay không, nếu đủ điều kiện thì đề nghị hướng dẫn ông Q lập thủ tục để ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, nếu không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trả lời bằng văn bản cho ông Q biết.

Đối chiếu hình thức và nội dung đơn khiếu nại đề ngày 17/01/2022 của ông Q với các quy định nói trên thì đơn khiếu nại đề ngày 17/01/2022 của ông Q không phải là đơn khiếu nại nên không thuộc trường hợp phải thụ lý, giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hình thức, trình tự, thủ tục ban hành Văn bản số 08 vi phạm quy định của Luật khiếu nại là không phù hợp với nhận định nói trên; đề nghị Tòa án nhân dân huyện P rút kinh nghiệm trong những lần xét xử tiếp theo.

Theo khoản 2 Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013 *“Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.”* và điểm a khoản 2 Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất *“Trường hợp hộ gia*

đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thực hiện các công việc như sau: a) Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch.”. Văn bản số 08 có nội dung là “Việc sử dụng đất của ông không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai” là không đúng quy định về thẩm quyền theo quy định nêu trên.

Mặc dù có sai sót trong việc nhận định trình tự, thủ tục ban hành Văn bản số 08 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử hủy Văn bản số 08 là phù hợp với nhận định của Tòa án cấp phúc thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị về phần quyết định huỷ Văn bản số 08 của bản án hành chính sơ thẩm nên phần quyết định nói trên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc yêu cầu UBND xã M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN thửa đất số 76 cho ông Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 15/11/2022, Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Vinh Q về việc yêu cầu Chủ tịch UBND xã M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN thửa đất số 76 cho ông Q.

Ngày 24/11/2022, ông Q có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông về việc yêu cầu UBND xã M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN thửa đất số 76 cho ông theo quy định và sửa phần án phí hành chính sơ thẩm vì ông thuộc trường hợp được miễn án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q có ý kiến rút một phần đơn khởi kiện về việc yêu cầu UBND xã M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN thửa đất số 76 cho ông theo quy định và rút toàn bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị kiện là ông Hồ Văn V – Phó Chủ tịch UBND xã M, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị Bích N và bà Nguyễn Thị P có ý kiến đồng ý chấp nhận việc rút đơn khởi kiện nói trên của ông Q.

Việc rút một phần đơn khởi kiện và rút toàn bộ kháng cáo nói trên của ông Q và việc người bị kiện đồng ý chấp nhận việc rút đơn một phần đơn khởi kiện của ông Q là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Căn cứ vào Điều 234 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện P và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Vinh Q về việc yêu cầu Tòa án buộc UBND xã M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN thửa đất số 76 cho ông theo quy định.

[4] Về án phí:

[4.1] Ông Dương Vinh Q sinh ngày 24/4/1960. Căn cứ quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Q thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Q 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008651 ngày 15/6/2022 và biên lai số 0008873 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định.

[4.2] Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Chủ tịch UBND xã M phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Các sai sót khác trong quá trình giải quyết vụ án đề nghị Tòa án nhân dân huyện P rút kinh nghiệm:

[6.1] Căn cứ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 và các điểm b, c khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, ông Q có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND xã M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN thửa đất số 76 cho ông Q nhưng với điều kiện phải có quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính phát sinh liên quan đến thẩm quyền xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất của UBND xã M và ông Q phải khiếu kiện quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính trên tại Tòa án.

Đơn khiếu nại đề ngày 17/01/2022 của ông Q không có nội dung khiếu nại hành vi hành chính hoặc quyết định hành chính của UBND xã Mỹ Q về việc thực hiện hoặc không thực hiện hành vi xác nhận nguồn gốc đất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai “*Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch*” và trong hồ sơ vụ án cũng

không thể hiện ông Q đã nộp hồ sơ theo quy định để làm thủ tục đăng ký cấp GCN tại thời điểm làm đơn khiếu nại ngày 17/01/2022.

Từ những căn cứ nói trên có cơ sở để xác định tại thời điểm ông Q nộp đơn khởi kiện, chưa phát sinh hành vi hành chính hoặc quyết định hành chính của UBND xã Mỹ Q về việc thực hiện hoặc không thực hiện hành vi xác nhận nguồn gốc đất, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc yêu cầu Tòa án buộc UBND xã M xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN thửa đất số 76 cho ông Q với quan hệ pháp luật là khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai là không phù hợp. Đáng lẽ ra, trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm phải đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính.

[6.2] Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Q là hủy Văn bản số 08 và buộc UBND xã M phải xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị UBND huyện P cấp GCN đối với thửa đất số 76 cho ông nhưng chỉ xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND xã M là bỏ sót người tham gia tố tụng vì UBND xã M là cơ quan có thẩm quyền xác nhận nguồn gốc đất.

[6.3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai là không đúng nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 234 của Luật Tố tụng hành chính;
- Căn cứ quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Vinh Q về việc yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ trích đo số 02, diện tích 52.672m² tại thôn V 3, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định cho ông theo quy định.

Ông Dương Vinh Q có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu nói trên theo thủ tục do Luật Tố tụng hành chính quy định nếu thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

2. Hủy Văn bản số 08/UBND ngày 26/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

3. Về án phí:

3.1. Ông Dương Vinh Q được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Q 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008651 ngày 15/6/2022 và biên lai số 0008873 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định.

3.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Tòa án nhân dân huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Hải

